

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2017
V/v ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Thái Thị Mỹ

+ Ông Mai Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giỏi Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 87/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXX-ST ngày 30/6/2017 và Quyết định Hoãn số 46/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Đình Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày: Bà và ông Trần Đình Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, mệt mỏi. Bà và ông Q đã nhiều lần bỏ qua, để khắc phục, hàn gắn nhưng khoảng cách tình cảm giữa hai bên ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, đánh đập bà nhiều lần. Do đó, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà P xác định giữa bà và ông Q có 02 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 03/11/2003 và Trần Đình K, sinh ngày 01/01/1996; cháu K đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà P không yêu cầu gì; riêng cháu T, bà P yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Q, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, niêm yết đối với ông Q theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Riêng yêu cầu nuôi con chung cháu T, bà P yêu cầu ông Q cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà P được ly hôn ông Q; về con chung: Giao cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q mỗi tháng cấp dưỡng 1.000.000đ; về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Đình Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Trần Đình Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống, giữa bà P và ông Q thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến cuộc sống chung luôn xung đột, căng thẳng, không có hạnh phúc. Bà P đã cố gắng hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Q. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Q đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Q không đến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ ông Q đã không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà P. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân khó có thể duy trì, hàn gắn lại nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà P, cho bà P được ly hôn ông Q.

[3] Về con chung: Giữa bà P và ông Q có hai con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 03/11/2003 và Trần Đình K, sinh ngày 01/01/1996; cháu K đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu T, tại phiên tòa bà P yêu cầu nuôi và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Xét cháu T cũng có nguyện vọng muốn ở với bà P (thể hiện tại bản tự khai của cháu T vào ngày 29/3/2017 ở hồ sơ vụ án) và hiện bà P đang là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Do đó, để đảm bảo trong việc phát triển về mọi mặt của cháu T, cần giao cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ, trách nhiệm chia sẻ, phụ giúp bà P trong việc nuôi con chưa thành niên và xét mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ mà bà P yêu cầu đối với ông Q trong việc nuôi cháu T là hoàn toàn hợp lý với thực tế đời sống hiện nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà P, buộc ông Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2017.

[4] Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và ông Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Minh P được ly hôn ông Trần Đình Q.

[2] Về con chung: Giao con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 03/11/2003 cho bà Nguyễn Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; ông Trần Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2017.

Ông Trần Đình Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0008334 ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Đình Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

[4.1] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND huyện D;
 - Chi cục THA dân sự huyện D;
 - UBND xã T
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
 - Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ